Mật Tạng Bộ 2_ No.982 (Tr.415_ Tr.422)

KINH
PHẬT MẪU ĐẠI KIM DIỆU KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG

_ BÀI TỰA_

Kinh **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** là lời nói thiêng (linh ngôn) của Đại Tiên **Mâu Ni** (Muṇi), Môn thiết yếu Từ Bi cứu độ của **Tổng Trì Chân Cú**, kết buộc với Tông huyền diệu (huyền tông) của **Tất Địa** (Siddhi), chặn đứng sóng gió nơi biển khổ. Chúng **Thần** (Devatā) của 28 Bộ đồng thề nguyện hộ giữ Kinh này. Cấm Quân của La Sát ăn nuốt chất độc, phát **Tâm Từ** (Maitra-citta) mà bảo vệ. Số Đại Tướng Dược Xoa nhiều đến hàng trăm triệu, lay động đá, nâng núi…do **Tán Chi** (Saṃjñeya) dẫn đầu, cầm hương hoa, ở **Xá Vệ** (Śrāvastya) khởi niệm trong sạch nơi rừng **Kỳ** (Jeṭavaṇe) lễ **Mâu Ni** (Muṇi) của **Minh Hạnh** (Vidya-caryā)**,** vui vẻ với Pháp sâu xa đã đàm luận, ưa thích ăn **Thiền Duyệt**, mong cầu **Cam Lộ** (Amṛta) tẩy rửa Tâm.

Đức Phật thương xót đời tương lai, mượn **Toa Để** (Svati: Tỳ Kheo Svati) để diễn dạy, tự trình bày **Nhân Địa.** Vì **vua loài chim** (điểu vương) kia bị vướng lưới võng khiến tính mệnh như hạt sương treo, đột nhiên nhớ đến bậc Thánh xưa kia là **Vô Thượng Giác Hoàng** diễn **Đà La Ni** (Dhāraṇī) hay vượt qua mọi nỗi khổ, phát ra tiếng ứng niệm thì sự cột trói liền tiêu tan, ưa thích trời xanh, an lành bay lượn tự tại, đến khi thành Phật.

Thưa hỏi đấng **Năng Nhân** (Śākya) kia, trong rừng **Thệ Đa** (Jeṭavaṇe) thuật lại **Mật Giáo** này. Than ôi đời mạt, các loài Hàm Linh lúc nhúc… cách xa bậc Thánh, sinh vào kỳ cuối của thời **Tượng Pháp**, phần lớn gặp nhiều tai nạn, loại Ma khác lạ sinh ra khiến người tu hành bị **Hoặc Tình** làm cho mê mờ. Người tại gia bị **chúng Tà** gây tai vạ, cúng tế dâng thịt cho yêu quái, thường hiện điềm tốt xấu. Nếu chẳng phải là Kinh này thời dùng Uy Thế nào chế phục được! Thế nên Đa Văn **Khánh Hỷ** (Ānanda) gần gũi vâng theo Thánh Ngôn, kết tập **Bối Đa** (Pattra:lá cây Đa La, mượn chỉ Kinh Phật) truyền khắp **Sa Giới** (các cõi nhiều như cát sông Hằng). Nhưng ở **Chi Na** (Trung Quốc) này số phiên dịch sớm, tuy dân gặp nạn vẫn chưa tuyên bày khắp!...

Nay vì Duyên đến, tuy văn từ của người dịch còn mộc mạc thô thiển, lại thiếu lời màu nhiệm phương tiện của người **Nhuận Văn** (chỉnh sửa văn tự), dầu chẳng sai trái với **Thánh Chỉ** (ý chỉ của bậc Thánh) nhưng vẫn mong người đọc để mắt xem xét cho.

Nay người đã dịch tức Tam Tạng Quốc Sư Hòa Thượng **Bất Không** (Amogha-vajra) của nước Trung Thiên Trúc, hiểu rõ ngôn ngữ Phạn Hán, nghiên cứu sự dạy bảo của năm khu vực tại Ấn Độ (ngũ thiên), đi đến nước này (Trung Quốc) nhận Sắc Lệnh ở cung Đại Minh mới dịch Kinh này, khắc thành ba quyển. Tựa đề ghi rằng: **Phật Mẫu Đại Kim Diệu Khổng Tước Minh Vương Kinh**, không có gì chẳng mở rộng mặt trời của Phật, chiếu sáng nơi mờ tối, giải thích kỹ càng sự chân thật bí mật, lưu truyền khắp nơi đồng được lợi ích. Linh Phù đã hiển thì vạn chướng tự đi, thuốc Pháp ban bố khắp thì tai vạ của Nghiệp đều được diệt hẳn.

Nguyện cho đèn Pháp này thường chiếu sáng, khắp Pháp Giới đều thanh bình an ninh, bậc Thánh sống lâu ngàn năm, giữ gìn cành vàng luôn xum xuê tươi tốt, Trời Rồng răn bảo giúp đỡ, **Pháp Hóa** luôn tuyên bày, **Phật Sắc** tuôn chảy sáng tỏ, muôn kiếp chẳng hư hoại.

[Kinh này cần biết **Đại Lệ** (luật lệ thông dụng) như là bên cạnh Thể chữ tầm thường có gia thêm bộ **Khẩu** (口) tức nên búng đường lưỡi, chỉ vì phương này không có **Chữ** cho nên phải mượn lấy **Âm** vậy, chữ còn lại dựa theo đây có thể y theo Chữ mà nói thẳng ra, chẳng được khinh mạn có **thế của tiếng** đến khiến **Âm gốc** tức liền trái ngược với vận của chữ Phạn. Lại khi đọc tụng, **Tiếng** hợp dài ngắn, **Chữ** có nặng nhẹ, xem xét **bốn âm tiếng** mà đọc, cuối cùng cần có Thầy trao truyền mới có thể chính xác được.Lại cần biết thô sơ nghĩa của **Chữ** thì mới có thể tùy theo **Tình**.

Nếu đến chỗ của Ta (họ tên là….) đều nên trình bày đầy đủ việc đã mong cầu. Có điều Kinh này có Thần Lực lớn, người cầu đều hiệu nghiệm.

Đất của **Ngũ Thiên** (năm khu vực ở Ấn Độ), mười **Châu** ở Nam Hải với hơn 20 nước thuộc nhóm **Thổ Hóa La** ở phương Bắc…không luận **Đạo, Tục** (Xuất Gia và Tại Gia), Tiểu Thừa hoặc Đại Thừa…đều cùng nhau tuân kính, đọc tụng, cầu thỉnh mong được Phước Lợi, báo ứng chẳng sai.

Chỉ vì Kinh xưa, dịch văn có thiếu sót nên khiến cho **Thần Châu** chẳng lưu bày nhiều. Tuy gặp tai nạn nhưng người đọc tụng vẫn còn thưa thớt. Cho nên ngày nay gom tìm bản Phạn của các Bộ, nghiên cứu ngọn nguồn, xem xét rõ ràng, dịch thành ba Quyển kèm với quy thức **vẽ tượng, Đàn Trường**…lợi ích vô biên, mong truyền cho đời vậy]

Đọc tụng Kinh **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương**
_ Pháp **Khải Thỉnh** trước tiên_

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thuỵ là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_ Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Nam mô mẫu đà dã
Nam mô đạt ma dã
Nam mô tăng già dã
Nam mô bảy đức Phật Chính Biến Tri
Nam mô tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát của hàng **Từ Thị Bồ Tát**
Nam mô Độc Giác, Thanh Văn, bốn Hướng, bốn Quả
Con đều kính lễ Thánh Chúng của nhóm như vậy

Nay con đọc tụng Kinh **Ma Ha Ma Du Lợi Phật Mẫu Minh Vương**, xin cho mọi sự mong cầu thỉnh nguyện của con đều được như ý

Hết thảy tất cả chư Thiên, Linh Kỳ hoặc ở trên mặt đất, hoặc ở nơi hư không, hoặc trụ trong nước. Các loài Quỷ Thần khác như là: chư **Thiên** (Deva), **Rồng** (Nāga), **A Tu La** (Asura), **Ma Lỗ Đa** (Maruta), **Nghiệt Lỗ Noa** (Garuḍa), **Càn Đạt Phộc** (Gandharva), Khẩn Na La (Kiṃnara), **Ma Hộ La Nga** (Mahoraga), **Dược Xoa** (Yakṣa), **La Sát Sa** (Rākṣasa), **Tất Lệ Đa** (Preta), **Tỳ Xá Già** (Piśāca), **Củ Bạn Noa** (Kuṃbhaṇḍa), **Bộ Đa** (Bhuta), **Bố Đan Na** (Putana), **Yết Tra Bố Đan Na** (Kaṭaputana), **Tắc Càn Na** (Skanda), **Ốt Ma Na** (Unmāda), **Xa Gia** (Chāya), **A Bát Sa Ma La** (Apasmara), **Ổ Sa Đát La Ca** (Ostakara)… với hết thảy tất cả Quỷ Thần khác và các hàng Cổ Mỵ, **Người** (Manuṣya), **Phi Nhân** (Amanuṣya), các ác độc hại, tất cả không lành (bất tường), tất cả bệnh ác, tất cả Quỷ Thần, tất cả Yếm đối…rình tìm cắt đứt mạng của kẻ khác, khởi Tâm độc hại, làm các điều không nhiêu ích…đều đến

nghe con đọc tụng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Kinh** trừ bỏ bạo ác, đều khởi tâm Từ. Đối với Phật Pháp Tăng sanh niềm tin trong sạch.

Nay con bày hương hoa, thức ăn uống. Nguyện xin vui vẻ đều nghe con nói:

"Đát nễ-dã tha (1) ca lý ca la lý (2) củ bán nị (3) hướng khí ninh (4) ca ma la khất-sử hạ lý để (5) hạ lý kế thất-lý ma để (6) hạ lý băng tỳ nga lê, lãm mê (7) bát-la lãm mê (8) ca la bá thế (9) ca la thú na lý (10) diễm ma nộ để (11) ma hạ la khất-sái tỷ (12) bộ đa nghiệt-la tát ninh (13) bát-la để thế hàm (13) bổ sáp-phún độ phún (15) hiến đạm mạt lân (16) tả na tả nhĩ (17) la khất-sái tha, ma ma (xưng tên….) (18) táp bả lý phộc lãm (19) tát phộc bà dụ bát nại-la phệ tỳ-dược (20) nhĩ phộc đổ miệt-sa sái xả đam (21) bát thiết đô (22) xả ra nam xả đan (23) tất điền đổ (24) mãn đát-la bát na, sa-phộc hạ (25)"

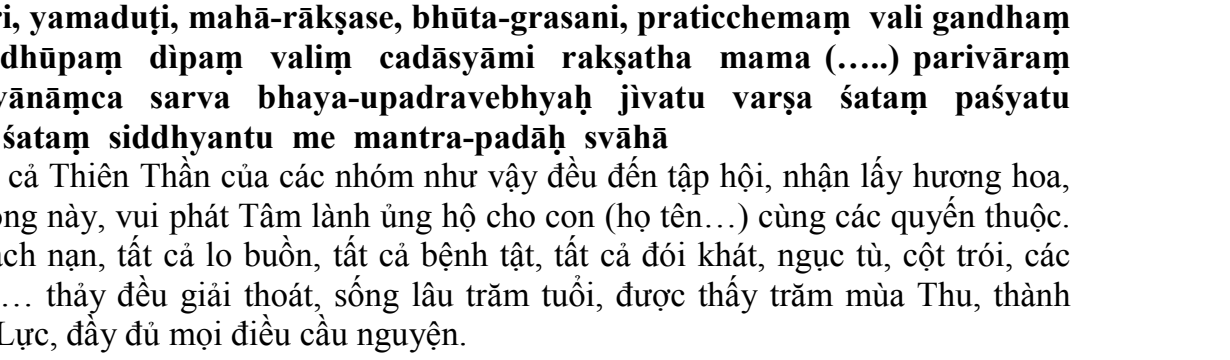

Tadyathā: Kāli karali, kumbhaṇḍi, śaṃkhini, kamalākṣi, hārīti, hari-keśi, śrì-mati hari-piṅgale, lambe, prālambe, lambodari, kāla-pāśe, kapāla, dhāriṇi, kalaśodari, yamaduṭi, mahā-rākṣase, bhūta-grasani, praticchemaṃ vali gandhaṃ puṣpaṃ dhūpaṃ dìpaṃ valiṃ cadāsyāmi rakṣatha mama (…..) parivāraṃ sarva-satvānāṃca sarva bhaya-upadravebhyaḥ jìvatu varṣa śataṃ paśyatu śaradaṃ śataṃ siddhyantu me mantra-padāḥ svāhā

Tất cả Thiên Thần của các nhóm như vậy đều đến tập hội, nhận lấy hương hoa, thức ăn uống này, vui phát Tâm lành ủng hộ cho con (họ tên…) cùng các quyến thuộc. Hết thảy ách nạn, tất cả lo buồn, tất cả bệnh tật, tất cả đói khát, ngục tù, cột trói, các nơi sợ hãi… thảy đều giải thoát, sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm mùa Thu, thành tựu Minh Lực, đầy đủ mọi điều cầu nguyện.

KINH PHẬT MẪU ĐẠI KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG
QUYỂN THƯỢNG

Như vậy tôi nghe: Một thời Đức **Bạc Già Phạm** (Bhagavaṃ: Thế Tôn) ngự vườn **Cấp Cô Độc** (Anāthapiṇḍadasyārāma) trong rừng **Thệ Đa** (Jeṭavaṇa) tại thành **Thất La Phiệt** (Śrāvastya).

Thời có một vị **Bật Sô** (Bhikṣu) tên là **Toa Để** (Svati) xuất gia chưa lâu, mới thọ nhận ở gần khu vườn, học Giáo **Tỳ Nại Gia** (Vinaya:Giới Luật) vì **Chúng** (Saṃgha) phá cây làm chỗ tắm gội. Có con rắn đen lớn từ lỗ hổng của cây khô bò ra, cắn vào ngón chân cái bên phải của vị Bật Sô ấy, khí độc lan khắp thân, choáng váng tế xuống đất, miệng xùi nước bọt, hai mắt trợn ngược.

Bấy giờ Cụ Thọ **A Nan Đà** (Ānanda) thấy vị Bật Sô ấy bị trúng độc chịu nhiều đau khổ, liền mau chóng đi đến chỗ của Đức Phật, lễ hai bàn chân của Đức Phật xong, rồi bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Bật Sô **Toa Để** bị trúng độc chịu nhiều khổ não…đầy đủ như bên trên nói. Hỡi Đức Như Lai Đại Bi! Làm thế nào để cứu giúp được?"

Nói lời đấy xong. Khi ấy Đức Phật bảo A Nan: "Ta có **Ma Da Ma Du Lợi Phật Mẫu Minh Vương Đại Đà La Ni** có Uy Lực lớn, hay diệt tất cả tai não đáng sợ của các chất độc. Ông đem **Phật Mẫu Minh Vương Đà La Ni** này của Ta, vì Bật Sô **Toa**

Để mà làm cứu hộ. Vì kết **Địa Giới**, kết **Phương Ngung Giới** khiến cho được an ổn, hết thảy khổ não đều được tiêu trừ.

Nhóm ấy hoặc bị Trời Rồng nắm giữ, A Tu La nắm giữ, Ma Lỗ Đa nắm giữ, Nghiệt Lỗ Noa nắm giữ, Ngạn Đạt Phộc nắm giữ, Khẩn Na La nắm giữ, Ma Hộ La Nga nắm giữ, Dược Xoa nắm giữ, La Sát Sa nắm giữ, Tất Lệ Đa nắm giữ, Tỳ Xá Già mê hoặc, Bộ Đa mê hoặc, Củ Bạn Noa mê hoặc, Bố Đan Na mê hoặc, Yết Tra Bố Đan Na mê hoặc, Tắc Kiến Na mê hoặc, Ốt Ma Na mê hoặc, Xa Gia mê hoặc, A Bát Sa Ma La mê hoặc, Ổ Sa Đá La Ca mê hoặc…Khi bị nhóm như vậy nắm giữ, làm cho mê hoặc thời **Phật Mẫu Minh Vương** đều hay che chở giúp đỡ khiến cho không có lo sợ, sống lâu trăm tuổi.

Hoặc bị người khác yểm đảo, Chú Thuật, Cổ Mị, loại Pháp ác…Ấy là: **Cật Lý Để Ca** (Kṛtyā), **Yết Ma Noa** (Karmaṇa), **Ca Cụ La Na** (Kakhordda), **Chỉ La Noa** (Kiraṇa), **Phệ Đá Noa** (Vetaḍa, hay Vetala), **Chất Giả** (Cicca), uống máu tủy kẻ khác, biến hóa người sai khiến, kêu gọi Quỷ Thần…Hoặc làm các nghiệp ác: ăn ác, nôn mửa ác, ảnh ác, nhìn ngó ác, nhảy đạp ác, đột nhiên ác. Hoặc làm Thư Yếm, hoặc mạo phạm trái nghịch ác (ác mạo nghịch)…Làm việc ác như vậy muốn gây não loạn. **Phật Mẫu Minh Vương** này ủng hộ người ấy kèm các Quyến Thuộc, các ác như vậy chẳng thể gây hại.

_ Lại nữa bị bệnh sốt rét: một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến nửa tháng, một tháng, hoặc lại nhiều ngày liên tiếp, hoặc lại phút chốc…. phát bệnh một lần. Tất cả bệnh sốt rét, 404 loại bệnh, hoặc bệnh thường nóng sốt, bệnh **Thiên Tà**, bệnh bứu cổ, Quỷ Thần, nóng sốt, trúng gió, vàng da, **đàm ẩm** (Trong thân thể, nước dịch quá lượng chẳng thâu hóa được, ngưng chảy hoặc chảy rỉ ra ở một bộ phận nào đó gây thành bệnh). Hoặc ba **tập bệnh**, ăn uống chẳng tiêu, đau buốt đầu, đau buốt nửa đầu, đau mắt, đau tai, đau mũi, đau môi, đau miệng, đau gò má, đau răng nanh, đau buốt răng, đau lưỡi với đau cổ họng, đau ngực, đau hông sường, đau lưng, đau tim, đau dạ dày, đau eo lưng, đau bụng, đau bắp đùi, đau đầu gối, hoặc đau tứ chi, đau nơi ẩn kín, đau buốt khắp thân….Tai vạ như vậy thảy đều trừ diệt.

Nguyện xin hộ giúp cho con kèm các quyến thuộc. Con kết **Địa Giới**, kết **Phương Ngung Giới**, đọc tụng Kinh này đều khiến cho an ổn.

_ Liền nói **Già Tha** (Gāthā: Kệ Tụng) là:

"Khiến con, đêm an ổn
Ban ngày cũng an lành
Ở trong tất cả Thời
Chư Phật thường hộ niệm"

Liền nói Đà La Ni là:

"Đát nễ-dã tha (1) y nị (2) vĩ nị (3) chỉ nị (4) hứ nị (5) nhĩ nị (6) ninh nị (7) át nãi (8) già nãi (9) nỗ nga nãi (10) hạ lý nê (11) phộc ngu nị (12) bàng tô bỉ xá chỉ ninh (13) a lô hạ nê (14) ô lô hạ nê (15) ê lệ (16) mê lệ (17) đế lệ (18) để lý, để lý (19) mê lệ, mê lệ (20) để mê, để mê (21) nỗ mê, nỗ mê (22) y trí, nhĩ trí (23) vĩ sắt-trá thê (24) tả bả lệ (25) vĩ ma lệ (26) vĩ ma lệ (27) hộ lỗ, hộ lỗ (28) a thấp-phộc mục khí (29) ca lý (30) ma hạ ca lý (31) bát-la chỉ la-noa kế thí (32) củ lỗ, củ lỗ (33) phộc cụ lỗ (34) cú lỗ, cú lỗ (35) hộ lỗ, hộ lỗ (36) phộc phổ lỗ (37) độ sa nỗ (tỳ) **phộc (38) nộ nỗ** (tỳ) **phộc (39) nộ ma nỗ phộc (40) ngộ la dạ (41) bạt la dạ (42) bỉ du, bỉ du (43) hứ lý, hứ lý (44) nhĩ lý, nhĩ lý (45) để lý, để lý (46) tỳ lý, tỳ lý (47) tổ lỗ, tổ lỗ (48) mẫu hộ, mẫu hộ, mẫu hộ, mẫu hộ (49) mẫu hộ, mẫu hộ (50) mẫu lỗ, mẫu lỗ (51) mẫu lỗ, mẫu lỗ, mẫu lỗ (52) hộ hộ hộ hộ hộ hộ hộ hộ hộ hộ (53) phộc phộc phộc phộc phộc phộc phộc phộc phộc phộc (54) la nhạ, la nhạ, la nhạ, la nhạ, la nhạ, la nhạ, la nhạ, la nhạ, la nhạ, la nhạ (55) na ma, na ma ninh (56) đáp bả,**

đáp bả ninh (57) nhập-phộc la, nhập-phộc la ninh (58) bát tả, bát tả ninh (59) lãn nỗ (60) bách nhạ ninh (61) miệt la-sái nê (62) táp-phổ tra ninh (63) đá bả ninh (64) bá tả ninh (65) hạ lý nê (66) đà lý nê, ca lý nê (67) kiếm bả ninh (68) mạt na ninh (69) mạn nị để kế (70) ma ca lý (71) thiết ca lý (72) yết ca lý (73) thước ca lý (74) hướng ca lý (75) nhập-phộc la ninh (76) nỗ ma (77) nỗ (tỳ) **phộc lý (78) nỗ minh, nỗ minh (79) ngộ la dã (80) bát lý phệ la dã (81) miệt la-sái đổ nỉ phộc tam mãn đế nẵng (82) y lý chỉ tỉ (83) sa-phộc hạ (84)"**

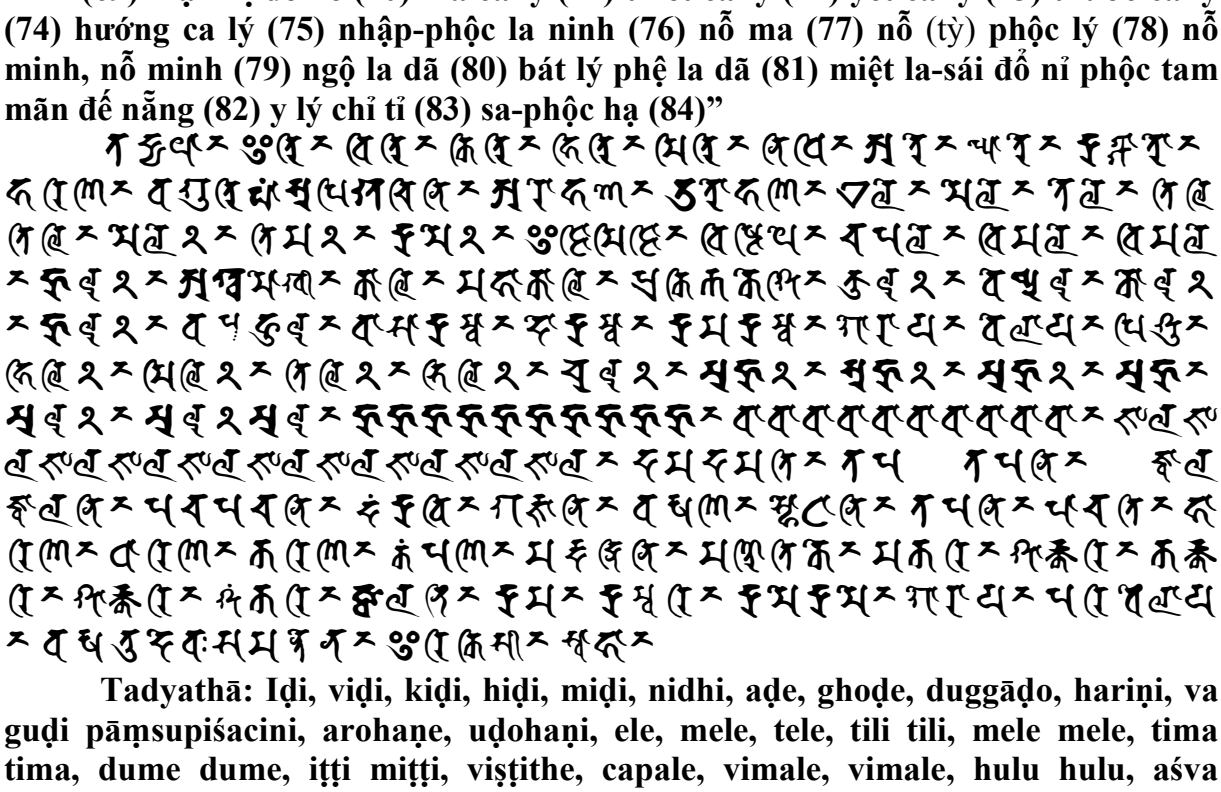

Tadyathā: Iḍi, viḍi, kiḍi, hiḍi, miḍi, nidhi, aḍe, ghoḍe, duggāḍo, hariṇi, va guḍi pāṃsupiśacini, arohaṇe, uḍohaṇi, ele, mele, tele, tili tili, mele mele, tima tima, dume dume, iṭṭi miṭṭi, viṣṭithe, capale, vimale, vimale, hulu hulu, aśva mokhī, kāli mahā-kāli, prakīrṇakeśi, kulu kulu, veghulu, kolu kolu, hulu hulu, vapphulu, vāsādumbā, dodumbā dumadumbā gorāya, velāya, piśu piśu, hili hili, mili mili, tili tili, bhili bhili, culu culu, muhu muhu muhu muhu muhu, mulu mulu mulu mulu mulu, hu hu hu hu hu hu hu hu hu hu, vā vā vā vā vā vā vā vā vā vā, jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla, dama damati, tapa tapani, jvala jvalani, paca pacani, duṃdubi, garjani, varṣaṇi, sphoṭani, tapani, pācati, hāriṇi dhāriṇi, kariṇi, kaṃpaṇi, marddani, maṇḍitike, makari, śārkkari, karkkari, śārkkari, śaṃkari, jvalani, duma, dumbari, dume dume, gorāya, parivelāya, varṣatu devaḥ samantena, irikisī, svāhā

(Nếu người đọc tụng khi đến nơi này thời tùy theo điều đã nguyện cầu, đều nên xưng nói việc ấy. Nếu lúc **đại hạn** (nắng mãi không có mưa) thời nói rằng: "***Nguyện xin* Trời *tuôn mưa***". Nếu lúc ngập úng thời ***nguyện xin Trời ngưng mưa.*** Nếu có binh đao giặc cướp, bệnh dịch lưu hành, đói khát, thời ác với các ách nạn thời tùy theo việc mà tỏ bày, một lòng cầu thỉnh, ắt không có gì chẳng tùy theo Ý)

_ Này A Nan Đà! Có tên gọi của các vị Long Vương, nên khởi **Tâm Từ** (Maitra-citta), xưng niệm tên các vị ấy, nhiếp trừ các chất độc. Ấy là:

Vua Rồng **Trì Quốc** (Dhṛtarāṣṭra) Ta ***Từ niệm*** (Quan tâm yêu thương giúp đỡ)
Ái La Phộc Noa (Airavaṇa) thường khởi **Từ** (Maitra:Yêu thương giúp đỡ)
Vĩ Lô Bác Xoa (Virūpakṣa) cũng khởi **Từ**
Hắc Kiêu Đáp Ma (Kṛṣṇa-gautamaka)Ta ***Từ niệm***
Vua Rồng **Ma Nê** (Maṇi) Ta ***Từ Mẫn*** (Lo lắng yêu thương giúp đỡ)
Rồng **Bà Tô Chỉ** (Vasuki) thường khởi **Từ**
Vua Rồng **Trượng Túc** (Daṇḍa-pāda) cũng khởi **Từ**
Vua Rồng **Mãn Hiền** (Pūrṇa-bhadra)Ta ***Từ niệm***

Vô Nhiệt Não Trì (Anavatapta), **Phộc Lỗ Noa** (Varuṇa)
Mạn Na Lạc Ca (Manjuruka), **Đức Xoa Ca** (Takṣa)
Rồng **Nan Đà** (Nanda), **Ổ Ba Nan Đà** (Upananda)
Ta hưng ý **Từ** đến Rồng ấy
Vua Rồng **Vô Biên** (Ananta) Ta ***Từ niệm***
Phộc Tô Mục Khư (Vāsu-mukha) cũng khởi **Từ**
Rồng **Vô Năng Thắng** (Aparājita) thường khởi **Từ**
Vua Rồng **Tập Phộc** (Chitvāsta)Ta ***Từ niệm***
Đại Ma Na Tư (Mahā-manasvī) Ta ***Từ niệm***
Tiểu Ma Na Tư (Upa-manasvī) cũng khởi **Từ**
A Bát La La (Apalāla) **Ca Lạc Ca** (Kālaka)
Hữu Tài (Bhogava), **Sa Di** (Śravaṇeraka) nhóm **Long Vương** (Nāga-rāja)
Nại Địa Mục Khư (Dadhi-mukha) với **Ma Nê** (Maṇi)
Rồng **Bạch Liên Hoa** (Puṇḍarīka) với **Phương Chủ** (Diśaṃ-pati)
Yết Cú Tra Ca (Karkkoṭaka) với **Lễ Túc** (Śaṃkha-pāla)
Nhóm **Mao Thảm** (Kambala), **Mã Thắng** (Aśvatara) đều **Từ**
Sa Kê Đắc Ca (Śākeṭaka), **Cung Tỳ La** (Kumbīra)
Châm Mao (Suciroma), **Ức Hành** (Uraga) nhóm Long Vương
Rồng **Lý Sử Ca** (Ṛṣika)Ta ***Từ niệm***
Mãn Nhĩ (Pūrṇa-karṇa), **Xa Diện** (Śakaṭa-mukha) cũng khởi **Từ**
Rồng **Cú Lạc Ca** (Kolaka)Ta ***Từ niệm***
Bà Thư Bổ Đa (Vatsīputra), **Tô Nan Đà** (Sunanda)
Đại Long Vương **Ái La Bát Đa** (Erapatra)
Lạm Mẫu Lạc Ca (Lamburuka) Ta ***Từ Mẫn***
Vua Rồng **Phi Nhân** (Amanuṣa) Ta ***Từ Niệm***
Vua Rồng **Thượng Nhân** (Uttara-manuṣa) lại cũng thế
Rồng **Miệt Bách La** (Mṛgila) thường khởi **Từ**
Mẫu Tí Lân Na (Mucilinda) Ta ***Từ Niệm***
_ Hoặc có Long Vương đi trên đất
Hoặc có Long Vương ngụ trên không
Hoặc luôn nương dựa núi **Diệu Cao** (Sumeru: Núi Tu Di)
Hoặc ngay trong nước, làm **Y Chỉ** (nơi nương nhờ)
Long Vương một đầu, Ta **Từ Niệm**
Cùng với hai đầu, lại cũng thế
Như vậy cho đến có nhiều đầu
Nhóm Long Vương này, Ta **Từ Niệm**
_ Hoặc loại Long Vương không chân
Long Vương hai chân với bốn chân
Hoặc lại các Long Vương nhiều chân
Đều khởi Tâm Từ cùng hộ niệm
_ Nhóm Long Vương này đủ Uy Đức
Sắc đẹp, sức mạnh có danh tiếng
Khi **Trời** (Deva) chiến đấu với **Tu La** (Asura)
Có Đại Thần Thông đều dũng mãnh
Đừng khiến **không chân** (vô túc) khinh khi Ta
Hai chân, bốn chân…đừng xâm hại
Cùng với các Long Vương nhiều chân
Thường đối thân Ta, không **não xúc** (tiếp chạm gây phiền não)

_ Các **Rồng** (Nāga) với **Thần** (Devatā), Ta **Từ Niệm**
Hoặc ngay trên đất, hoặc trên Không
Thường khiến tất cả các chúng sinh
Đều khởi Tâm Từ cùng hộ niệm
Thường thấy tất cả điềm tốt lành
Đừng nhìn việc tội ác ngược Tình
_ Ta thường phát niệm Đại Từ Bi
Khiến **họ** (các vị Rồng) diệt trừ các ác độc
Nhiêu ích nhiếp thọ, lìa tai ách
Tùy tại **Thời Phương** thường ủng hộ

"Nẵng mô tốt-đổ một đà dã. Nẵng mô tốt-đổ mạo đà duệ. Nẵng mô tốt-đổ mục cật-đa dã. Nẵng mô tốt-đổ mục cật-đa duệ. Nẵng mô tốt-đổ phiến đa dã. Nẵng mô tốt-đổ phiến đa duệ. Nẵng mô vĩ mục cật-đá dã. Nẵng mô vĩ mục cật-đá duệ"

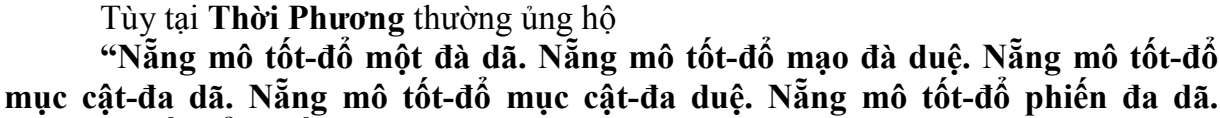

Namostu buddhāya
Namostu buddhāye
Namostu muktāya
Namostu muktāye
Namostu śāntāya
Namostu śāntāye
Namo vimuktāya
Namo vimuktāye
_ Các bậc có Tịnh Hạnh
Hay trừ các nghiệp ác
Kính lễ nhóm như vậy
Thường vệ hộ cho con.
_ Nếu gặp việc đáng sợ
Tất cả thời não loạn
Cùng với thời tai hại
Nhóm bệnh tật, biến quái
Với bị trúng chất độc
Thời chẳng có lợi ích
Giúp con với quyến thuộc
Không bệnh, sống trăm năm

_ Đức Phật bảo A Nan Đà: "Thời xưa kia, ở mặt nam của núi Tuyết có **Kim Diệu Khổng Tước Vương** trụ ở chỗ ấy. Mỗi buổi sáng sớm thường đọc tụng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Đà La Ni** thời cả ngày đều an ổn. Khi chiều tối, đọc tụng thời cả đêm đều an ổn.

Liền nói Đà La Ni là:

"Nẵng mô một đà dã (1) nẵng mô đạt ma dã (2) nẵng mô tăng già dã (3) đát nễ-dã tha (4) hộ hộ hộ hộ hộ (5) nẵng nga lệ lệ (6) nỗ ma lệ lệ (7) hộ dã, hộ dã (8) vĩ nhạ dã, vĩ nhạ dã (9) độ tô, độ tô (10) ngu lỗ, ngu lỗ (11) ê la, mê la (12) để lý, mê la (13) y lý, mật đát-lại (14) để lý, mật đát-lại (15) y lý, để lý, mật đát-lại (16) nỗ mê (17) tô nỗ mê (18) đố tô đế (19) ngộ la phệ la (20) tả bả la (21) vĩ ma la (22) y trí lý (23) tỳ trí lý (24) lý trí lý (25) vĩ trí lý (26) nẵng mô tốt-đổ một đà nam

(27) tức lý, chỉ tỉ (28) ngộ nỗ hứ ca (29) nẵng mô la-hạt đam (30) hộ la na la (31) phộc la-sái đổ nỉ phộc (32) tam mãn đế nẵng (33) nại xả tô nễ xá tô (34) nẵng mô mẫu đà nam (35) sa-phộc hạ (36)"

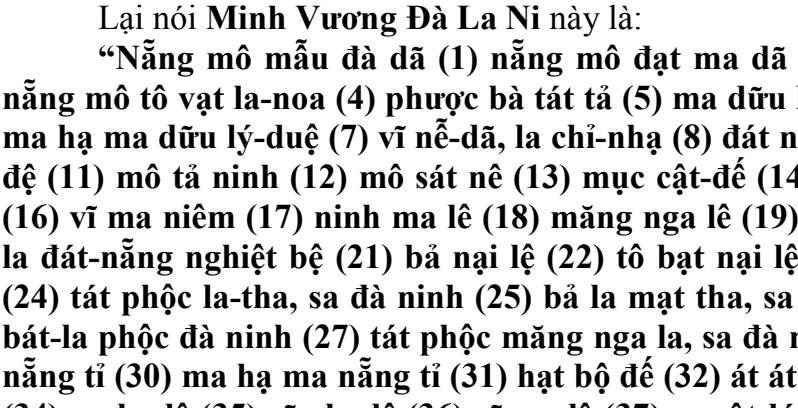

Namo buddhāya
Namo dharmāya
Namo saṃghāya
Tadyathā: Hu hu hu hu hu, nāga lele, dumba lele, huya huya, vijaya vijaya, dhusu dhusu, guru guru, elā melā, tiri melā, ili mitle, tila mitle, ili tili mitle, dumbe, sudumbe, tesute, golā velā, capalā, vimalā, iṭṭiri, bhiṭṭiri, riṭṭiri, viṭṭiri_ Namostu buddhānāṃ, cilikisi, godohika, namorhataṃ, holadala, varṣatu devā, samatena, daśasudiśāsu_ Namo buddhānāṃ svāhā

_ Này A Nan Đà! **Kim Diệu Khổng Tước Vương** (Suvarṇāvabhāsa-mayūra-rāja) ấy bất chợt một lúc quên tụng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Đà La Ni** này, bèn đem Chúng, phần lớn là Khổng Tước Cung Nữ…từ khu rừng này đến khu rừng kia, từ ngọn núi này đến ngọn núi nọ, rồi vì vui chơi tham dục yêu dính nên phóng dật hôn mê đi vào trong hang núi. Kẻ thợ săn oan gia rình tìm dịp thuận tiện liền dùng dây bắt chim cột trói. Khi Khổng Tước Vương bị cột trói thời nhớ đến **Bản Chính Niệm** liền tụng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Đà La Ni** như lúc trước thì ở chỗ bị cột trói được tự nhiên giải thoát, quyến thuộc an ổn, đi về chỗ cư trú của mình.

Lại nói **Minh Vương Đà La Ni** này là:

"Nẵng mô mẫu đà dã (1) nẵng mô đạt ma dã (2) nẵng mô tăng già dã (3) nẵng mô tô vạt la-noa (4) phược bà tát tả (5) ma dữu la, la chỉ-nương (6) nẵng mô ma hạ ma dữu lý-duệ (7) vĩ nễ-dã, la chỉ-nhạ (8) đát nễ-dã tha (9) tất đệ (10) tô tất đệ (11) mô tả ninh (12) mô sát nê (13) mục cật-đế (14) vĩ mục cật-đế (15) a ma lê (16) vĩ ma niêm (17) ninh ma lê (18) măng nga lê (19) hứ lại nương nghiệt bệ (20) la đát-nẵng nghiệt bệ (21) bả nại lệ (22) tô bạt nại lệ (23) tam mãn đa bạt nại-lệ (24) tát phộc la-tha, sa đà ninh (25) bả la mạt tha, sa đà ninh (26) tát phộc la-tha bát-la phộc đà ninh (27) tát phộc măng nga la, sa đà ninh (28) ma nẵng tỉ (29) ma nẵng tỉ (30) ma hạ ma nẵng tỉ (31) hạt bộ đế (32) át át trất nạp-bộ đế (33) át tốt đế (34) a nhạ-lệ (35) vĩ nhạ lệ (36) vĩ ma lê (37) a mật-lý đế (38) a ma lê (39) a ma la nê (40) một-la hám-mê (41) một-la hám-ma sa phộc lệ (42) bố la ninh (43) bố la-noa ma nỗ la thế (44) mật-lý đa, tán nhạ phộc ninh (45) thất-lý bạt nại-lệ, chiến nại-lệ (46) chiến nại-la bát-la bệ (47) tố lý-duệ (48) tố lý-dã kiến đế (49) vị đa bà duệ (50) tô miệt ninh (51) một-la hám-ma cụ sái (52) một-la hám-ma nhũ sắt-tai (53) tát phộc đát-la (54) bát-la để hạ đế (55) sa-phộc hạ (56) na mạc tát phộc một đà nam (57) sa-phộc sa-để, ma ma, nẵng tát tả (58) táp bả lý phộc la khất-sản (59) khuất-vật vãn đổ (60) nhạ phộc đổ (61) miệt la-sái, thiết đan bát phiến đổ (62) thiết la nan, thiết đan (63) hộ tì (64) ngu tì, cụ tì, mẫu tì (65) sa-phộc hạ (66)"

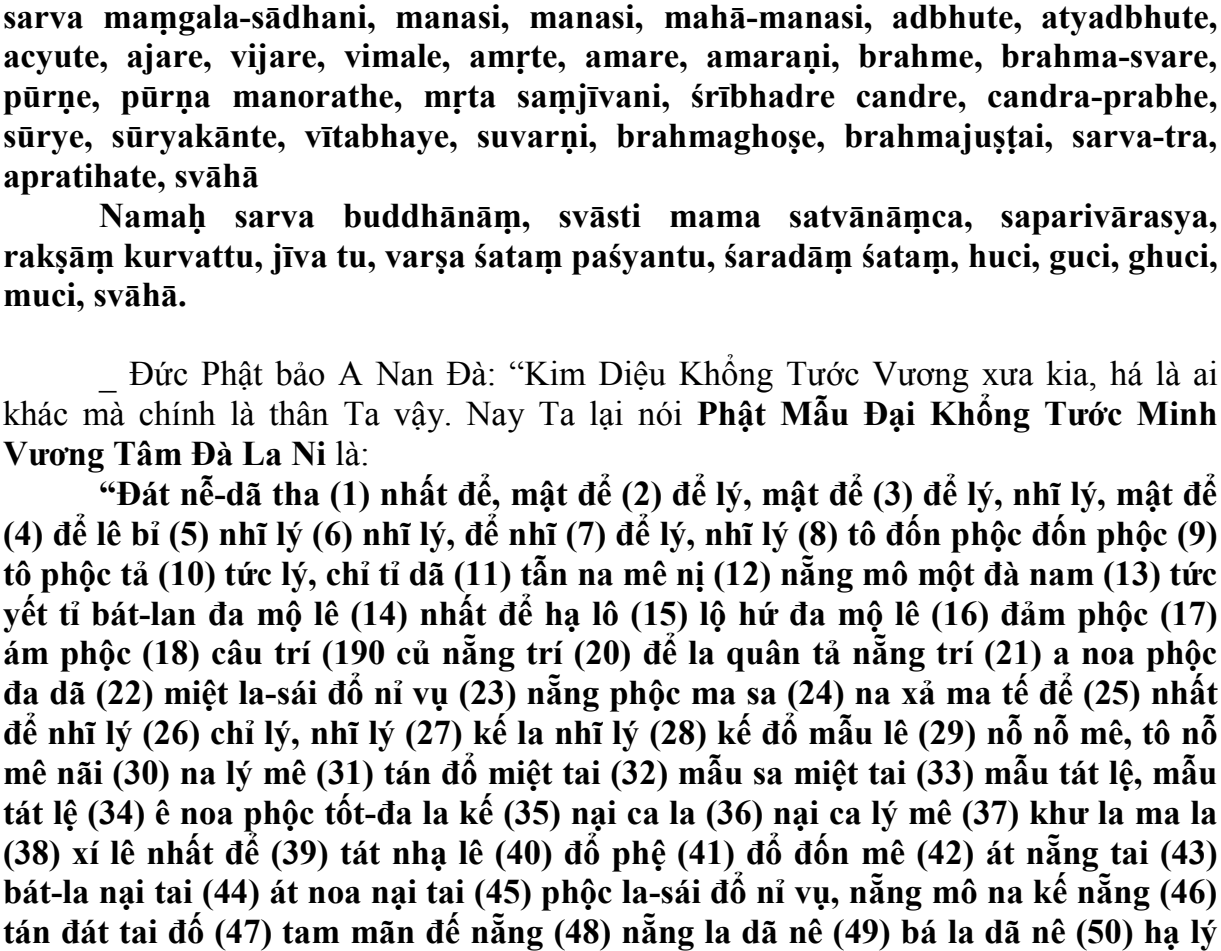

Namo buddhāya
Namo dharmāya
Namo saṃghāya
Namo suvarṇābhāsasya mayūra-rājñaḥ
Namo mahā-mayūrye vidya-rājña

Tadyathā: Siddhe susiddhe, mocani, mokṣaṇi, mukte, vimukte, amale, vimale, nirmale, maṃgale, hiraṇya-garbhe, ratna-garbhe, bhadre, subhadre, samanta-bhadre, sarvārtha-sādhani, paramārtha-sādhani, sārvārtha pravādhani, sarva maṃgala-sādhani, manasi, manasi, mahā-manasi, adbhute, atyadbhute, acyute, ajare, vijare, vimale, amṛte, amare, amaraṇi, brahme, brahma-svare, pūrṇe, pūrṇa manorathe, mṛta saṃjīvani, śrībhadre candre, candra-prabhe, sūrye, sūryakānte, vītabhaye, suvarṇi, brahmaghoṣe, brahmajuṣṭai, sarva-tra, apratihate, svāhā

Namaḥ sarva buddhānāṃ, svāsti mama satvānāṃca, saparivārasya, rakṣāṃ kurvattu, jīva tu, varṣa śataṃ paśyantu, śaradāṃ śataṃ, huci, guci, ghuci, muci, svāhā.

_ Đức Phật bảo A Nan Đà: "Kim Diệu Khổng Tước Vương xưa kia, há là ai khác mà chính là thân Ta vậy. Nay Ta lại nói **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Tâm Đà La Ni** là:

"Đát nễ-dã tha (1) nhất để, mật để (2) để lý, mật để (3) để lý, nhĩ lý, mật để (4) để lê bỉ (5) nhĩ lý (6) nhĩ lý, để nhĩ (7) để lý, nhĩ lý (8) tô đốn phộc đốn phộc (9) tô phộc tả (10) tức lý, chỉ tỉ dã (11) tẫn na mê nị (12) nẵng mô một đà nam (13) tức yết tỉ bát-lan đa mộ lê (14) nhất để hạ lô (15) lộ hứ đa mộ lê (16) đảm phộc (17) ám phộc (18) câu trí (190 củ nẵng trí (20) để la quân tả nẵng trí (21) a noa phộc đa dã (22) miệt la-sái đổ nỉ vụ (23) nẵng phộc ma sa (24) na xả ma tế để (25) nhất để nhĩ lý (26) chỉ lý, nhĩ lý (27) kế la nhĩ lý (28) kế đổ mẫu lê (29) nỗ nỗ mê, tô nỗ mê nãi (30) na lý mê (31) tán đổ miệt tai (32) mẫu sa miệt tai (33) mẫu tát lệ, mẫu tát lệ (34) ê noa phộc tốt-đa la kế (35) nại ca la (36) nại ca lý mê (37) khư la ma la (38) xí lê nhất để (39) tát nhạ lê (40) đổ phệ (41) đổ đốn mê (42) át nẵng tai (43) bát-la nại tai (44) át noa nại tai (45) phộc la-sái đổ nỉ vụ, nẵng mô na kế nẵng (46) tán đát tai đố (47) tam mãn đế nẵng (48) nẵng la dã nê (49) bá la dã nê (50) hạ lý đa lý (51) quân đá lý (52) y lý, mật tốt-để (53) cát để lý mật tốt-để (54) y mê tất điền đổ (55) nại-la nhĩ noa (56) mạn đát-la lộ na, sa-phộc hạ (57)"

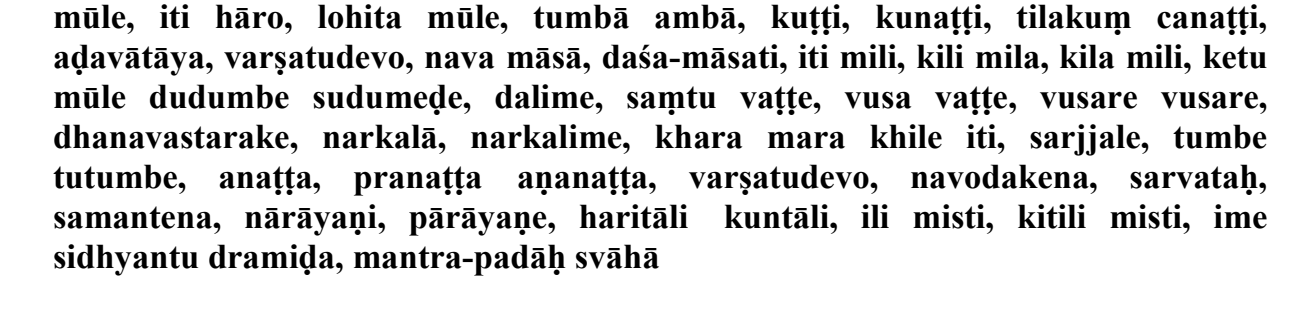

Tadyathā: Inti minti, vili miti, vili mila minti, tilepi, mili, mili timi, tili mili, sutusvā tumvā , suvaca, cilikisiya, bhinnameḍi, namo buddhānāṃ cihnāsi prānta mūle, iti hāro, lohita mūle, tumbā ambā, kuṭṭi, kunaṭṭi, tilakuṃ canaṭṭi, aḍavātāya, varṣatudevo, nava māsā, daśa-māsati, iti mili, kili mila, kila mili, ketu mūle dudumbe sudumeḍe, dalime, saṃtu vaṭṭe, vusa vaṭṭe, vusare vusare, dhanavastarake, narkalā, narkalime, khara mara khile iti, sarjjale, tumbe tutumbe, anaṭṭa, pranaṭṭa aṇanaṭṭa, varṣatudevo, navodakena, sarvataḥ, samantena, nārāyaṇi, pārāyaṇe, haritāli kuntāli, ili misti, kitili misti, ime sidhyantu dramiḍa, mantra-padāḥ svāhā

_ Này A Nan Đà! **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Tâm Đà La Ni** này, nếu lại có người muốn vào thôn xóm thì cần phải nhớ niệm, ở trong chỗ hoang vắng cũng nên nhớ niệm, ngay trong đường đi cũng thường nhớ niệm. Hoặc ngay trong chỗ chẳng phải là đường đi cũng nên nhớ niệm, Khi vào cung vua thời nhớ niệm, khi gặp giặc cướp thời nhớ niệm, khi đấu tranh thời nhớ niệm, khi bị nạn nước lửa thời nhớ niệm, khi gặp gỡ Oán Địch thời nhớ niệm, khi ở trong Đại Chúng thời nhớ niệm. Hoặc khi bị nhóm rắn, bọ cạp…cắn thời nhớ niệm. Khi bị trúng chất độc thời nhớ niệm với khi gặp các việc đáng sợ thời nhớ niệm. Khi bị bệnh trúng gió, vàng da, **đàm ẩm** (Trong thân thể, nước dịch quá lượng chẳng thâu hóa được, ngưng chảy hoặc chảy rỉ ra ở một bộ phận nào đó gây thành bệnh) thời nhớ niệm. Hoặc khi bị bệnh **Tam Tập** thời nhớ niệm. Hoặc 404 bệnh, khi mỗi một bệnh sinh thời nhớ niệm. Nếu khi khổ não đến thời nhớ niệm. Tại sao thế? Nếu lại có người đáng bị tội chết thì dùng đồ vật trừng phạt mà được thoát, tội đáng bị trừng phạt thì dùng cây gậy nhẹ đánh mà được thoát, tội đáng bị cây gậy nhẹ đánh thì bị trách mắng mà được thoát, tội đáng bị trách mắng thì chỉ bị đe dọa cho run sợ mà được thoát, tội đáng bị đe dọa cho run sợ thì tự nhiên giải thoát, tất cả sự lo ấu buồn bực thảy đều giải thoát.

_ Này A Nan Đà! **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** được tất cả Như Lai cùng chung tuyên nói, thường nên thọ trì, tự xưng tên của mình, thỉnh cầu gia hộ.

"Nguyện xin nhiếp thọ con (họ tên là…) trừ được các sự sợ hãi. Khi bị nạn khổ bởi dao, gậy, gông cùm thời nguyện đều giải thoát, thường gặp điều lợi ích, chẳng gặp tai họa nguy hiểm, sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm mùa Thu"

_ A Nan Đà! Nếu có hàng **Người** (Manuṣa), **Trời** (Deva), **Ma** (Māra), **Phạm** (Brahma), **Sa Môn** (Śrāmaṇa), **Bà La Môn** (Brāhmaṇa)…đọc tụng, thọ trì **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Đà La Ni** này, kết **Địa Giới** ấy kết **Phương Ngung Giới** thỉnh cầu gia hộ, một lòng thọ trì. Ta chẳng thấy có Trời, Rồng, Quỷ, Thần nào có thể gây não hại được. Ấy là: Trời, vợ của Trời, con trai của Trời, con gái của Trời với cha mẹ của Trời và các bạn bè, quyến thuộc…Loại của nhóm như vậy không có thể gây hại.

Hoặc **Rồng** (Nāga), vợ của Rồng, con trai của Rồng, con gái của Rồng với cha mẹ của Rồng và các bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **A Tô La** (Asura), vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Ma Lỗ Đa** (Muruta) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Nghiệt Lỗ Noa** (Garuḍa) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Ngạn Đạt Phộc** (Gandharva) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Khẩn Na La** (Kimṇara) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Ma Hộ La Nga** (Mahoraga) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Dược Xoa** (Yakṣa) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **La Sát Sa** (Rākṣasa) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Tất Lệ Đa** (Preta) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Tỳ Xá Già** (Piśāca) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Bộ Đa** (Bhuta) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Củ Bạn Noa** (Kuṃbhaṇḍa) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Bố Đan Na** (Putana) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Yết Tra Bố Đan Na** (Kaṭaputana) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Tắc Kiến Na** (Skanda) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Ốt Ma Na** (Unmāda) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Xa Gia** (Chāya) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **A Bát Sa Ma La** (Apasmara) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hoặc **Ổ Sa Đá La Ca** (Ostakara) với vợ, con trai, con gái cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc…cũng chẳng thể gây hại.

Hàng Trời, Rồng, Dược Xoa với các Quỷ Thần, hết thảy thân quyến, bạn bè, quyến thuộc nhóm như vậy, phát khởi Tâm ác rình rập con người, tìm dịp thuận tiện gây các chướng nạn. Nhóm Trời, Rồng, Quỷ Thần này tuy khởi Tâm ác nhưng chẳng thể gây não loạn cho người trì Kinh này. Tại sao thế? Do thường thọ trì **Phật Mẫu Minh Vương Đà La Ni**. Nhóm Trời, Rồng, Quỷ Thần gây não hại này nếu quay về chỗ của mình (bản xứ) thì loài ấy chẳng cho vào sống chung

Nếu có loài làm trái ngược với **Phật Mẫu Minh Vương Chân Ngôn** này, vượt qua **Giới Pháp** thì cái đầu bị phá vỡ làm bảy phần giống như **ngọn cây Lan Hương** [Tiếng Phạn là **A Nhĩ Ca Mạn Chiết Lý** (Arjaka-mañjarī) là đầu ngọn cây **Lan**

Hương vậy. Xưa kia dịch là cành cây **A Lê** là sai lầm vậy. Phương Tây (Ấn Độ) không có cây **A Lê**]

_ Lại nữa A Nan Đà! Lại có **Minh Vương Đà La Ni**, ông nên thọ trì.

Liền nói **Minh** là:

"Đát nễ-dã tha (1) y lý, nhĩ lý (2) khẩn nậu khế mục cật-đế (3) tô mục cật-đế (4) a noa nẵng noa (5) tô nẵng noa (6) phộc la-sái đổ nỉ vũ (7) bả la ma noa miệt đá diệm (8) a la bá la (9) ngộ nộ hứ ca (10) y lý, nhĩ lý (11) bỉ nhĩ lý ca (12) ốt nỗ ca (13) ốt thấu nỗ ca (14) y lý, nhĩ lý (15) để lý, nhĩ lý (16) tam mãn đát đa cật-lật đát-phộc (17) hộ lỗ, hộ lỗ (18) hứ lý, hứ lý (19) nhĩ lý, nhĩ lý (20) chỉ lý, chỉ lý, thất-lý sái noa (21) một-lý sam (22) mẫu lỗ, mẫu lỗ (23) tả la, tả la (24) tức lý tức lý (25) tổ lỗ, tổ lỗ (26) vĩ trí, vĩ trí (27) thức khí, thức khí (28) nhất trí, vĩ trí (29) thức khí, thức khí (30) hộ tổ, hộ tổ (31) hộ tổ, hộ tổ (32) hộ tổ, hộ tổ (33) hộ tổ, hộ tổ (34) hộ tổ, hộ tổ (35) hạ la, hạ la (36) hạ la nê (37) tảm bệ (38) bát-la tảm bệ (39) tát phộc nột sắt-tra (40) ma nỗ sắt-cửu (41) tảm bệ nhĩ (42) ma ma (43) táp bả lý phộc la tả (44) la khất-sang, ca lỗ nhĩ (45) nhĩ phộc đổ (46) phộc la-sái thiết đan (47) bát xả đổ, thiết la nạm, thiết đan (48) ngu để-dựng, bả lý đát-la (49) nam bả lý ngật-la hám (50) bả lý bá la nam (51) phiến để-dựng (52) sa-phộc sa tha-dã dã nam (53) nan noa bả lý hạ lan (54) vĩ sái nỗ sái nam (55) vĩ sái nẵng xả nan (56) tỉ ma mạn đặng (57) đà la nê, mạn đãng tả, ca lỗ nhĩ (58) tức đát-lệ (59) tức đát-la ma lê (60) hạ lê (61) hạ la ma lê (62) pha lê (63) phả la ma lê (64) củ lỗ, củ lỗ (65) khư la phộc lỗ nê (66) vị lệ (67) ê duệ (68) a lỗ ma lỗ (69) diệt trừ tất cả chất độc (70) với loài khởi Tâm ác (71) chất độc của rễ, chất động của răng với răng nanh (72) các chất độc trong thức ăn uống (73) Nguyện dùng Uy Quang của Phật (74) diệt trừ sự khổ hại của chất độc (75) tố lỗ, tố lỗ kế (76) phộc la, phộc la kế (77) vạt la kế (78) vĩ lý, hứ lý (79) tất cả chất độc tiêu trừ (80) Nguyện đừng xâm hại nhau (81) bảy Đức Phật, các Thế Tôn (82) Chính Biến Tri Giác Giả (83) cùng với chúng Thanh Văn (84) uy quang diệt các chất độc (85) ê la, mê la (86) nhất lý, mê la (87) để lý, để lý, mê la (88) để hạ nỗ hạ (89) vĩ ma nỗ ma (90) ê tô, nỗ ma (91) tốn ma (92) đốn ma (93) tam ma đốn ma (94) a nãi nẵng nãi (95) củ la củ phộc nẵng nãi (96) phộc la-sái đổ nỉ phộc (97) y lý, chỉ tỉ (98) tam mạn đế nẵng (99) nẵng phộc ma sa (100) na sa ma sa (101) muội đát-lý mê (102) tát phộc tát đát-vi số (103) mẫu tát nãi (104) mẫu na lý nê (105) kế phộc trích kế (106) phộc tra ca mộ lệ (107) y để nhiếp phộc lệ (108) đổ mê, tỳ đổ mê (109) tất-lý dựng, ca lệ (110) a phộc tai (111) bả lý phộc tai na vũ na kế nẵng (112) phộc la-sái đổ nỉ vũ (113) nẵng mô sa nga phộc đổ, ấn nại-la (114) ngộ bả tỉ ca dã (115) nhất trí tra dã (116) ngộ nộ hứ ca dã (117) bột-lăng nga lý ca dã (118) a lê đa lê (119) quân đa lê (120) a xả ninh (121) bá xả ninh (122) bá bả ninh củ lê (123) nẵng mô bà nga phộc đá nam (124) tất điền đổ, mãn đát-la bát na, sa-phộc hạ (125)"

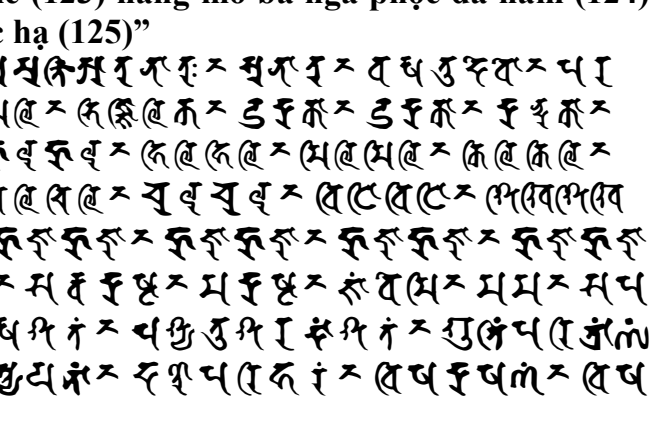

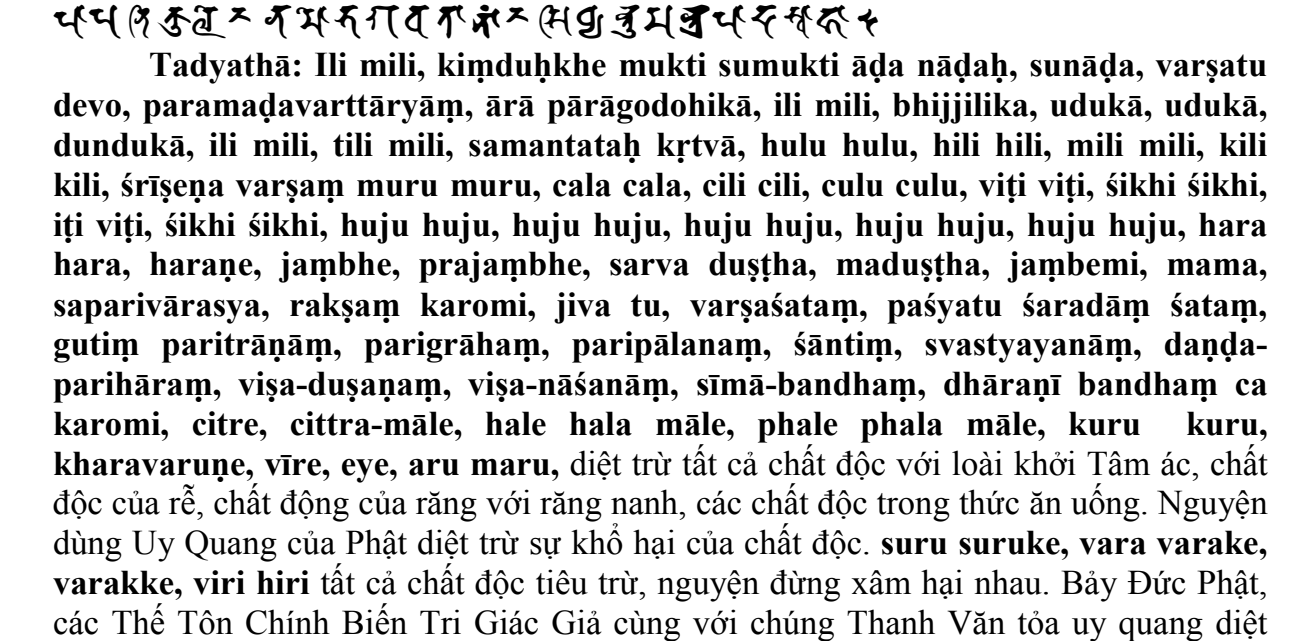

Tadyathā: Ili mili, kiṃduḥkhe mukti sumukti āḍa nāḍaḥ, sunāḍa, varṣatu devo, paramaḍavarttāryāṃ, ārā pārāgodohikā, ili mili, bhijjilika, udukā, udukā, dundukā, ili mili, tili mili, samantataḥ kṛtvā, hulu hulu, hili hili, mili mili, kili kili, śrīṣeṇa varṣaṃ muru muru, cala cala, cili cili, culu culu, viṭi viṭi, śikhi śikhi, iṭi viṭi, śikhi śikhi, huju huju, huju huju, huju huju, huju huju, huju huju, hara hara, haraṇe, jaṃbhe, prajaṃbhe, sarva duṣṭha, maduṣṭha, jaṃbemi, mama, saparivārasya, rakṣaṃ karomi, jiva tu, varṣaśataṃ, paśyatu śaradāṃ śataṃ, gutiṃ paritrāṇāṃ, parigrāhaṃ, paripālanaṃ, śāntiṃ, svastyayanāṃ, daṇḍa-parihāraṃ, viṣa-duṣaṇaṃ, viṣa-nāśanāṃ, sīmā-bandhaṃ, dhāraṇī bandhaṃ ca karomi, citre, cittra-māle, hale hala māle, phale phala māle, kuru kuru, kharavaruṇe, vīre, eye, aru maru, diệt trừ tất cả chất độc với loài khởi Tâm ác, chất độc của rễ, chất động của răng với răng nanh, các chất độc trong thức ăn uống. Nguyện dùng Uy Quang của Phật diệt trừ sự khổ hại của chất độc. **suru suruke, vara varake, varakke, viri hiri** tất cả chất độc tiêu trừ, nguyện đừng xâm hại nhau. Bảy Đức Phật, các Thế Tôn Chính Biến Tri Giác Giả cùng với chúng Thanh Văn tỏa uy quang diệt các chất độc **elā melā, ili melā, tili tili melā, tihā duha, vimādhu mādu, esudumā, sukumbhā, tumbā, samatumbā, aḍe nāḍe, kulakuva naḍe, varṣatu devaḥ , ilakisi, samantena, navamāsā, Daśamāsā, maitrī me, sarva satveṣu, vusaḍe, vudāriṇi, kevaṭṭa kevaṭṭaka mūle, iti śavare, tumbe vitumbe , priyaṃ kare, āvaṭṭe, parivaṭṭe, navodakeṇa varṣatu devo.**

Namo bhagavato indra gopasikāya, iṭṭiṭṭaya, godohikāya, bhṛṃgārikāya, āle tale, kuntala, āśane, pāśane, pāpanikule

Namo bhagavatānāṃ, sidhyantu mantrapāda svāhā

_ **Tỳ Bát Thi Như Lai** (Vipaśyìn-tathāgata)
Ngồi dưới cây **Vô Ưu** (Aśoka)
_ **Thi Khí Phật Thế Tôn** (Sikhìn-buddha-lokanātha)
Nương nơi **Bôn Đà Lợi** (Puṇḍarī)
_ **Tỳ Xá Phù Như Lai** (Vi'svabhū-tathāgata)
Trụ tại rừng **Sa La** (Śāla)
_ **Câu Lưu Tôn Như Lai** (Krakucchanda-tathāgata)
Dưới cây **Thi Lợi Sa** (Śirīṣa)
_ Đại Sư **Yết Nặc Ca** (Kanakamuṇi)
Cây **Ô Đàm Bạt La** (Udumbara)
_ Thiện Thệ **Ca Diếp Ba** (Kàśyapa)
Dưới cây **Ni Câu Đà** (Nyagrodha)
_ **Thích Ca Mâu Ni Phật** ('Sàkyamuṇi-buddha)

Dòng Thánh, **Kiều Đáp Ma** (Gautāma)
Ngồi ở **cây Bồ Đề** (Bodhi-vṛkṣa)
Chứng **Vô Thượng Chính Giác** (Anuttarā-samyaksaṃbuddha)
_ Các Thế Tôn nhóm đấy
Đều đủ Uy Đức lớn
Chư Thiên rộng cúng dường
Đều sinh Tâm tin kính
Tất cả các Quỷ Thần
Đều sinh niệm vui vẻ
Khiến con thường an ổn
Lìa hẳn ách suy kém

Bảy Đức Phật Thế Tôn đã nói **Minh** là:

"Đát nễ-dã tha (1) nhất lý, nhĩ lý (2) chỉ lý, vĩ lý (3) kế lý, phộc lý (4) ốt nỗ la (5) tô nỗ mô nỉ (6) mộ tát la (7) hộ hộ (8) ca la thệ (9) ca la nhạ mẫu lệ (10) nhất để xả phộc đá (11) củ đổ lý (12) nẵng la dã nê (13) bả xả ninh (14) bả xả, bả xả ninh (15) kiếp bỉ la phộc tốt-đổ (16) y lý phộc tất điền đổ (17) nại-la nhĩ noa (18) mãn đát-la bả na, sa-phộc hạ (19)"

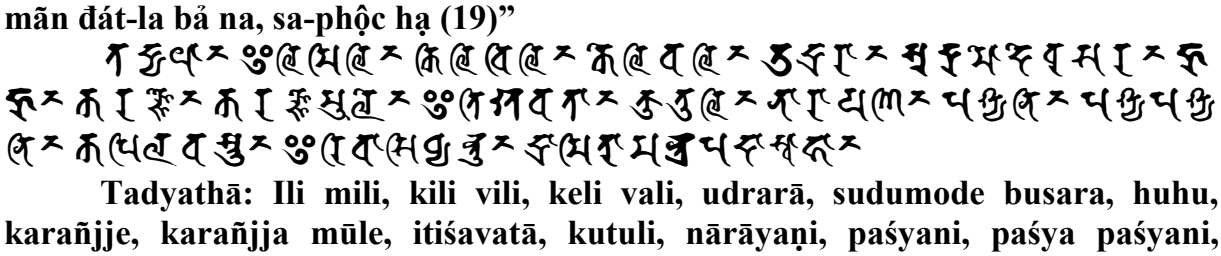

Tadyathā: Ili mili, kili vili, keli vali, udrarā, sudumode busara, huhu, karañjje, karañjja mūle, itiśavatā, kutuli, nārāyaṇi, paśyani, paśya paśyani, kapila-vastu, irivā sidhyantu, drāmiḍā mantra-padā svāhā

_ Lại nữa A Nan Đà! Có tên gọi của **Đại Dược Xoa** (Mahā-yakṣa) là điều mà **Tác Ha Thế Giới Chủ Phạm Thiên Vương** (Sāhaṃpati), **Thiên Đế Thích** (Śakra-devānāṃ-indra), **bốn Đại Thiên Vương** (Catvāsraḥ mahā-rājikāḥ), 28 Đại Dược Xoa Tướng cùng nhau tuyên nói. Nếu có người thọ trì tên gọi của Đại Dược Xoa như vậy, giả sử có Quỷ Thần phát khởi Tâm ác muốn gây não loạn thì cái đầu bị phá vỡ thành bảy phần giống như đầu ngọn cây Lan Hương.

Liền nói tên gọi của Dược Xoa là:

"Đát nễ-dã tha (1) cát để mộ lệ, ê lỗ mộ lệ (2)tam mãn đa mộ lệ (3) a nãi nẵng nãi (4)củ tát nẵng nãi (5)y đế, nhĩ đế (6)bá lỗ, a lỗ noa cú (9)y lý chỉ tức lý (10)ngộ nộ hứ ca (11)ốt độn độ ma (12)tẫn na phệ noa (13)"

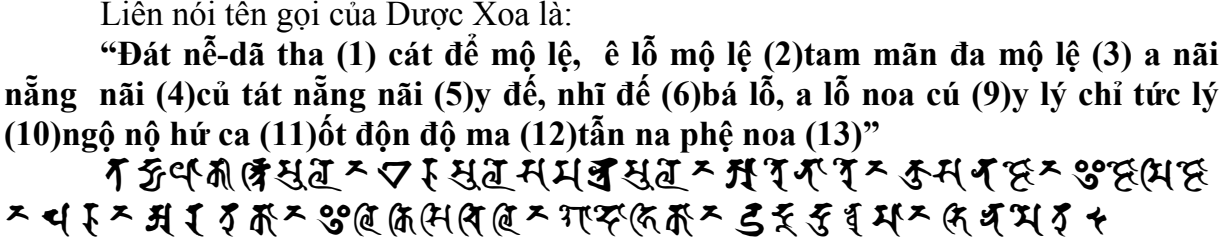

Tadyathā: Kīrtti mūle, eru mūle, samanta mūle, āḍenāḍe, kuśa naṭṭe, iṭṭe miṭṭe, paru, araḍakā, ilikisi cili, godohikā, uddundhumā, bhinnameḍa.

_ Nguyện **hai chân** (loài có 2 chân) cát tường
Bốn chân (loài có 4 chân) cũng cát tường
Đi trong đường, cát tường
Quay về cũng cát tường
_ Nguyện trong đêm, cát tường
Ban ngày cũng cát tường
Tất cả nơi cát tường
Đừng gặp các tội ác
_ Tất cả **Nhật** (Āditya: mặt trời) đều Thiện

Tất cả **Tú** (Nakṣatra: tinh tú) đều Hiền

Chư Phật đều Uy Đức

La Hán (Arhat) đều dứt **Lậu** (Asrāva:tuôn chảy thấm rỉ, một tên gọi khác của phiền não)

Do lời thành thật này

Nguyện con thường cát tường

Đức Phật bảo A Nan Đà: "Nếu khi đọc tụng Kinh Đại Minh Vương này thời nói lời như vầy: "**Đại Khổng Tước Minh Vương** là điều mà Đức Phật đã tuyên nói. Nguyện dùng Thần Lực thường ủng hộ con, nhiêu ích nhiếp thọ, làm chỗ Quy y, vắng lặng cát tường, không có các tai vạ. Dao, gậy, thuốc độc không thể xâm tổn. Nay con y theo Pháp, kết **Địa Giới** ấy, kết **Phương Ngung Giới** trừ các ưu não, sống lâu trăm tuổi, nguyện đi qua trăm mùa Thu"

_ Lại nữa A Nan Đà! Có Đại Dược Xoa Vương với các Dược Xoa Tướng trụ bên biển lớn, hoặc trụ tại núi **Diệu Cao** (Sumeru: núi Tu Di) với các núi khác, hoặc ở chốn hoang vắng. Hoặc trụ ở các con sông, dòng nước, đầm nước, ao hồ, rừng chứa xác chết, hố vũng, hang hốc, ngõ tắt trong làng, ngã tư đường, vườn, rừng, cây cối. …hoặc ở chỗ khác. Có Đại Dược Xoa trụ ở **A Noa Vãn Đa Đại Vương Đô Xứ**…Chúng của nhóm như vậy thành Nguyện, dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Đà La Ni** này ủng hộ cho con (họ tên…) kèm với các Quyến Thuộc sống lâu trăm tuổi.

Liền nói Đà La Ni là:

"Đát nễ-dã tha (1) hạ lý, hạ lý nê (2) tá lý, tá lý ninh (3) đát-la bả nê (4) mô hạ ninh (5) sa-đảm bà ninh (6) tảm bà ninh (7) sa-phộc diễn bộc (8) sa-phộc hạ (9)"

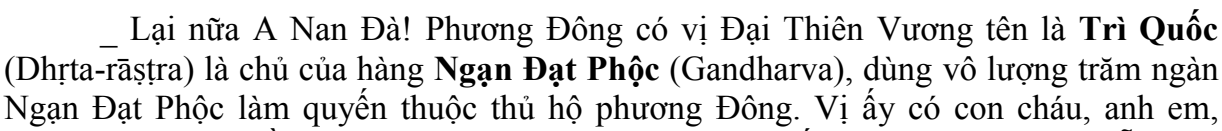

Tadyathā: Hari, hāriṇi, cali cālini, trapāṇi, mohani, stambhani, jambhani, svāyaṃ bhrūḥ svāhā

_ Lại nữa A Nan Đà! Phương Đông có vị Đại Thiên Vương tên là **Trì Quốc** (Dhṛta-rāṣṭra) là chủ của hàng **Ngạn Đạt Phộc** (Gandharva), dùng vô lượng trăm ngàn Ngạn Đạt Phộc làm quyến thuộc thủ hộ phương Đông. Vị ấy có con cháu, anh em, quân tướng, đại thần, tạp sứ, nhóm chúng như vậy. Vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Đà La Ni** này ủng hộ cho con (Họ tên…) kèm với các Quyến Thuộc trừ được ưu não, sống lâu trăm tuổi, nguyện thấy trăm mùa Thu.

Đà La Ni là:

"Đát nễ-dã tha (1) thô thô lỗ (2) thô thô lỗ (3) thô thô lỗ (4) thô thô lỗ (5) thô thô lỗ (6) thô lỗ, thô lỗ (7) thô lỗ mê, sa-phộc hạ (8)"

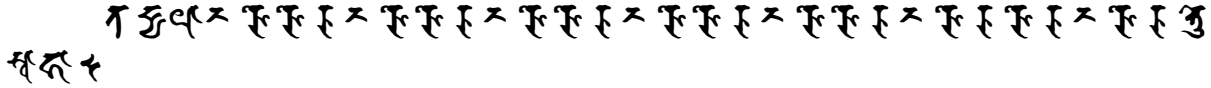

Tadyathā: Jhe jheru, jhe jheru, jhe jheru, jhe jheru, jhe jheru, jheru jheru, jheru bhre svāhā.

_ Lại nữa A Nan Đà! Phương Nam có vị Đại Thiên Vương tên là **Tăng Trưởng** (Virūḍhaka) là chủ của hàng **Củ Bạn Noa** (Kuṃbhaṇḍa), dùng vô lượng trăm ngàn Củ Bạn Noa làm quyến thuộc thủ hộ phương Nam. Vị ấy có con cháu, anh em, quân tướng, đại thần, tạp sứ, nhóm chúng như vậy. Vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng**

Tước Minh Vương Đà La Ni này ủng hộ cho con (họ tên…) kèm với các Quyến Thuộc trừ được ưu não, sống lâu trăm tuổi, nguyện thấy trăm mùa Thu.

Đà La Ni là:

"Đát nễ-dã tha (1) phệ lỗ kế, phệ lỗ kế (2) a mật đát-la gia đa ninh (3) phộc lỗ noa phộc để (4) phệ nỗ ma lý ninh (5) phệ lý ninh (6) bổ đát-lý kế (7) tổ tổ tức tổ (8) sa-phộc hạ (9)"

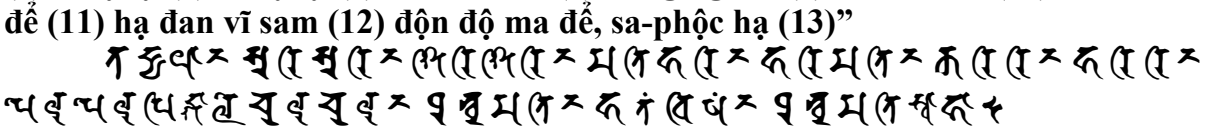

Tadyathā: Veluke veluke, āmitraghātani, varuṇavati, veṇumālini velini, putrike, colu cilu svāhā.

_ Lại nữa A Nan Đà! Phương Tây này có vị Đại Thiên Vương tên là **Quảng Mục** (Virūpākṣa) là chủ của hàng **Rồng lớn** (Mahā-nāga), dùng vô lượng trăm ngàn các vị Rồng làm quyến thuộc thủ hộ phương Tây. Vị ấy có con cháu, anh em, quân tướng, đại thần, tạp sứ, nhóm chúng như vậy. Vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Đà La Ni** này ủng hộ cho con (họ tên…) kèm với các Quyến Thuộc trừ được ưu não, sống lâu trăm tuổi, nguyện thấy trăm mùa Thu.

Đà La Ni là:

"Đát nễ-dã tha (1) phệ nỗ lý, phệ nỗ lý (2) ma trí đế, ma trí đế (3) cú chi, cú chi (4) vĩ nễ-dữu ma để (5) hộ hộ hộ hộ hộ hộ hộ hộ (6) hộ lỗ, hộ lỗ, hộ lỗ, hộ lỗ, hộ lỗ, hộ lỗ, hộ lỗ, hộ lỗ (7) tổ tổ tổ tổ tổ tổ tổ tổ (8) tả tả tả tả tả tả tả tả, lô, sa-phộc hạ (9)"

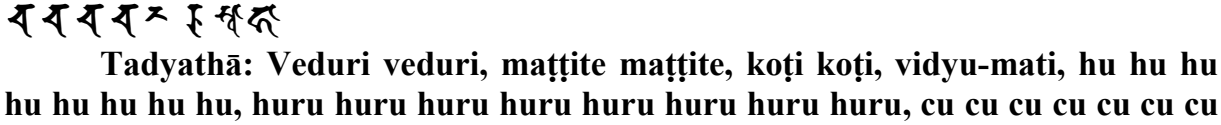

Tadyathā: Veduri veduri, maṭṭite maṭṭite, koṭi koṭi, vidyu-mati, hu hu hu hu hu hu hu hu, huru huru huru huru huru huru huru huru, cu cu cu cu cu cu cu cu, ca ca ca ca ca ca ca ca, ru svāhā

_ Lại nữa A Nan Đà! Phương Bắc có vị Đại Thiên Vương tên là **Đa Văn** (Vaiśravaṇa) là chủ của hàng **Dạ Xoa** (Yakṣa), dùng vô lượng trăm ngàn các vị Dạ Xoa làm quyến thuộc thủ hộ phương Bắc. Vị ấy có con cháu, anh em, quân tướng, đại thần, tạp sứ, nhóm chúng như vậy. Vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Đà La Ni** này ủng hộ cho con (họ tên…) kèm với các Quyến Thuộc trừ được ưu não, sống lâu trăm tuổi, nguyện thấy trăm mùa Thu.

Đà La Ni là:

"Đát nễ-dã tha (1) tố lý, tố lý (2) thí lý, thí lý (3) ma để hạ lý (4) hạ lý ma để (5) ca lý lý (6) hạ lý lý (7) bế lỗ, bế lỗ (8) băng nga lê (9) tổ lỗ, tổ lỗ (10) độn độ ma để (11) hạ đan vĩ sam (12) độn độ ma để, sa-phộc hạ (13)"

Tadyathā: Suri suri, śiri śiri, mati hari, hari mati, kariri, hariri, pelu pelu piṅgale, culu culu, dhundhu mati, hataṃ viṣaṃ, dhundhu mati svāhā.

Phương Đông tên **Trì Quốc** (Dhṛta-rāṣṭra), phương Nam hiệu **Tăng Trưởng** (Virūḍhaka), phương Tây tên **Quảng Mục** (Virūpākṣa), phương Bắc tên **Đa Văn** (Vaiśravaṇa). Bốn vị Đại Thiên Vương này hộ giúp cho đời có danh tiếng, bốn phương

thường ủng hộ. Đại Quân đủ Uy Đức, Oán bên ngoài đều chịu hàng phục, quân địc khác chẳng thể xâm phạm, Thần Lực có ánh sáng, thường không có các sự sợ hãi. Khi hàng Trời cùng với A Tu La chiến đấu thời nhóm này cũng tương trợ khiến cho chư Thiên chiến thắng, được an ổn. Đại Chúng của nhóm như vậy cũng dùng **Minh Vương** này hộ giúp cho con kèm với quyến thuộc không có bệnh tật, sống lâu trăm tuổi.

Đà La Ni là:

"Đát nễ-dã tha (1) ế lệ, mê lệ (2) để lý, mê lệ (3) phộc thế nỗ mê nỗ nỗ mê (4) (Nếu lúc cầu mưa thời xưng bốn câu này) **phộc la-sái đổ nỉ phộc, tam mãn đế nẵng (5)** [Nếu **Tức** Tai, khi cầu nguyện thời nên nói là: Con (họ tên…) kèm với các Quyến Thuộc cầu được mãn ước nguyện] **hứ lý, nhĩ lý (6) đốn phệ đổ đốn phệ (7) át tai phộc tai (8) lộ bả la ma nỗ phộc tai (9) phộc la-sái đổ nỉ vụ (10) nga lỗ ngạn đá dã (11) đốn nãi đổ đốn nãi (12) thốc kế mục kế (13) y lý nị (14) nhĩ lý nị (15) hứ lý, hứ lê (16) hộ lỗ, hộ lê (17) hứ lý, nhĩ lý (18) đổ lê, đa lỗ lý, sa-phộc hạ (19)"**

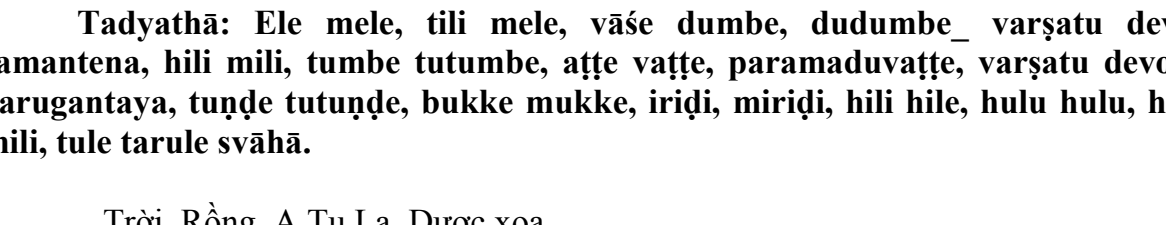

Tadyathā: Ele mele, tili mele, vāśe dumbe, dudumbe_ varṣatu deva samantena, hili mili, tumbe tutumbe, aṭṭe vaṭṭe, paramaduvaṭṭe, varṣatu devo , garugantaya, tuṇḍe tutuṇḍe, bukke mukke, iriḍi, miriḍi, hili hile, hulu hulu, hili mili, tule tarule svāhā.

_ Trời, Rồng, A Tu La, Dược xoa
Đến lắng nghe Pháp, nên chí Tâm
Ủng hộ Phật Pháp mãi trường tồn
Mỗi mỗi siêng hành **Thế Tôn Giáo**

_ Hết thảy Hữu Tình đến chốn này
Hoặc trên đất bằng, hoặc hư không
Thường đối người đời khởi Tâm **Từ**
Ngày đêm tự mình nương Pháp trụ

_ Nguyện các Thế Giới thường an ổn
Vô biên Phước Trí, lợi quần sinh
Hết thảy nghiệp tội đều tiêu trừ
Xa lìa mọi khổ, về Viên Tịch

_ Luôn dùng **hương Giới** xoa vóc sáng
Thường khoác **áo Định** để nghiêm thân
Hoa diệu Bồ Đề trang nghiêm khắp
Tùy theo chỗ ở, thường an vui.

KINH PHẬT MẪU ĐẠI KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG
QUYỂN THƯỢNG (Hết)